

Số: 652/TTYT-DUỘC

Yên Khánh, ngày 06 tháng 6 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh Vị thuốc Y học cổ truyền.

Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vị thuốc cổ truyền sử dụng 12 tháng tại Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh.

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh đề nghị các nhà thầu cung cấp báo giá của các vị thuốc Y học cổ truyền (có danh sách tại Phụ lục 1 kèm theo) gửi về Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh (Thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình - SĐT: 02293.841.273) và gửi file mềm vào địa chỉ mail duoctytk@gmail.com (theo mẫu đính kèm tại Phụ lục 2).

- **Thời gian nhận báo giá:** Trước 11h30 ngày 19/6/2023;

- **Hình thức nhận báo giá:**

+ Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh - Thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình - SĐT: 02293.841.273 (chỉ nhận báo giá qua Văn thư Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh).

Rất mong được nhận được sự đồng ý phối hợp thực hiện từ phía các Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Phan Sỹ Diễn

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN XIN BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 652 /TTYT-DƯỢC ngày 06/06/2023 của Trung tâm y tế huyện Yên Khánh)

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bạch chi	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Thái片片	Kg	8.00
2	Kinh giới	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>	Sao qua	Kg	33.00
3	Quế chi	Nhóm 2	Cành non	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Sơ chế	Kg	36.00
4	Tế tân	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Rửa, sấy	Kg	2.00
5	Bạc hà	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Menthae</i>	Sơ chế	Kg	24.00
6	Cúc hoa	Nhóm 2	Hoa	<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>	Sơ chế	Kg	10.00
7	Lúc (Sài hồ nam)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Pluchae pteropodae</i>	Thái片片	Kg	10.00
8	Mạn kinh tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Viticis</i>	Sao vàng	Kg	4.00
9	Thăng ma	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Thái片片	Kg	1.00
10	Thuyền thoái	Nhóm 2	Thân xác ve	<i>Periostracum Cicadidae</i>	Sơ chế	Kg	1.00
11	Dây đau xương	Nhóm 2	Thân cây	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Sơ chế	Kg	150.00
12	Độc hoạt	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Radix Angelicae pubescens</i>	Thái片片	Kg	35.00
13	Hy thiêm	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	Tầm rượu	Kg	150.00

14	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Xanthii strumarii</i>	Sơ chế	Kg	15.00
15	Khuong hoạt	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thái片片	Kg	34.00
16	Lá lốt	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Piperis lolot</i>	Sơ chế	Kg	26.00
17	Mộc qua	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Thái片片	Kg	56.00
18	Ngũ gia bì chân chim	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	Thái片片	Kg	64.00
19	Phòng phong	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Saposnikoviae divaricatae</i>	Thái片片	Kg	94.00
20	Tang ký sinh	Nhóm 2	Lá, thân, cành	<i>Herba Loranthi gracilifolii</i>	Phiến Sấy	Kg	34.00
21	Tần giao	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Thái片片	Kg	90.00
22	Thiên niên kiện	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Homalomenae occulatae</i>	Thái片片	Kg	15.00
23	Can khương	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Sao vàng	Kg	10.00
24	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Aconiti lateralis praeparata</i>	Tẩm muối, thái lát đồ chín phơi sấy khô	Kg	5.00
25	Quế nhục	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Thái片片	Kg	10.00
26	Diệp hạ châu	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	Sơ chế	Kg	2.00
27	Kim ngân hoa	Nhóm 2	Hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Sơ chế	Kg	21.00
28	Liên kiều	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Forsythiae</i>	Bò hạt	Kg	9.00
29	Thỏ phục linh	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Phiến Sấy	Kg	35.00
30	Chi tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Gardeniae</i>	sao qua	Kg	3.00
31	Huyền sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	Thái片片	Kg	17.00

32	Tri mẫu	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Chích rượu	Kg	10.00
33	Hoàng bá	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Phellodendri</i>	Chích muối	Kg	7.00
34	Hoàng cầm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Scutellariae</i>	Sao đen	Kg	11.00
35	Khổ sâm	Nhóm 2	Lá	<i>Folium et Ramulus Crotonis tontkensis</i>	Sơ chế	Kg	5.00
36	Nhân trần	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Adenosomatis caerulei</i>	Sơ chế	Kg	2.00
37	Địa cốt bì	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Lycii chinensis</i>	Thái phiến	Kg	24.00
38	Mẫu đơn bì	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	Thái phiến	Kg	36.00
39	Sinh địa	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Thái phiến	Kg	29.00
40	Thiên hoa phần	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Trichosanthis</i>	Thái phiến	Kg	9.00
41	Xích thược	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Phiến Sấy	Kg	47.00
42	Bán hạ nam (Củ chóc)	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Typhonii trilobati</i>	Tầm Gừng	Kg	3.00
43	Bách bộ	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Stemonae tuberosae</i>	Chích mật	Kg	3.00
44	Cát cánh	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Thái phiến	Kg	5.00
45	Tang bạch bì	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Mori albae radicis</i>	Thái phiến	Kg	4.00
46	Câu đằng	Nhóm 2	Thân cành có mấu	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Sơ chế	Kg	20.00
47	Thiên ma	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Thái phiến	Kg	20.00
48	Bình vôi (Ngải tượng)	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Tuber Stephaniae</i>	Thái phiến	Kg	50.00
49	Lạc tiên	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Passiflorae</i>	Thái phiến	Kg	54.00

50	Liên tâm	Nhóm 2	Tâm sen	<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>	Sơ chế	Kg	21.00
51	Táo nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauriticae</i>	Rửa, sấy	Kg	47.00
52	Thảo quyết minh	Nhóm 2	Quả	<i>Semen Cassiae torae</i>	Sao cháy	Kg	18.00
53	Viễn chí	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Thái phiến	Kg	17.00
54	Chi xác	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Aurantii</i>	Thái phiến	Kg	10.00
55	Hậu phác	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Magnoliae officinali</i>	Thái phiến	Kg	2.00
56	Hương phụ	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Thái phiến	Kg	2.00
57	Mộc hương	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Thái phiến	Kg	7.00
58	Ô dược	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Linderae</i>	Sơ chế	Kg	2.00
59	Sa nhân	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Anomi</i>	Sơ chế	Kg	3.00
60	Trần bì	Nhóm 2	Vỏ quyết chín	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng	Kg	3.00
61	Đan sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Chích rượu	Kg	16.00
62	Đào nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Pruni</i>	Bỏ vỏ	Kg	14.00
63	Hồng hoa	Nhóm 2	Hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Sấy khô	Kg	8.00
64	Ngưu tất	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Thái phiến	Kg	67.00
65	Xuyên khung	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Thái phiến	Kg	65.00
66	Ngải cứu (Ngải diệp)	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>	Sơ chế	Kg	44.00
67	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Nhóm 2	Cây nấm	<i>Poria</i>	Thái phiến	Kg	83.00

68	Kim tiền thảo	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Sấy	Kg	4.00
69	Mộc thông	Nhóm 2	Thân cây	<i>Caulis Clematidis</i>	Thái phiến	Kg	2.00
70	Trạch tả	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Chích muối	Kg	36.00
71	Tỳ giải	Nhóm 2	Củ	<i>Rhizoma Dioscoreae</i>	Thái phiến	Kg	7.00
72	Xa tiền tử	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Plantaginis</i>	Sơ chế	Kg	2.00
73	Ý dĩ	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Coicis</i>	Sơ chế	Kg	120.00
74	Lá khôi	Nhóm 2	Lá	<i>Folium Ardisiae</i>	Sơ chế	Kg	11.00
75	Mạch nha	Nhóm 2	Quả chín nảy mầm	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	Sao vàng	Kg	7.00
76	Son tra	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Mali</i>	Sao đen	Kg	2.00
77	Thương truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Thái phiến	Kg	21.00
78	Liên nhục	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	Kg	100.00
79	Mẫu lệ	Nhóm 2	Vỏ hàu	<i>Concha Ostreae</i>	Nung	Kg	10.00
80	Ngũ vị tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Schisandrae</i>	Rửa, sấy	Kg	3.00
81	Son thù	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Sơ chế	Kg	35.00
82	Bạch thược	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Thái phiến	Kg	138.00
83	Dương quy (đi thực)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	Kg	119.00
84	Hà thủ ô đỏ	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Chế đậu đen	Kg	17.00
85	Thục địa	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Nấu, sấy, tẩm	Kg	148.00

86	Câu kỷ tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	Sơ chế	Kg	57.00
87	Mạch môn	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Bỏ lõi	Kg	15.00
88	Ngọc trúc	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Thái phiên	Kg	8.00
89	Sa sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Glehniae</i>	Sơ chế	Kg	10.00
90	Ba kích	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Chích rượu	Kg	4.00
91	Cẩu tích	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Ciboii</i>	Phiến Sấy	Kg	66.00
92	Cốt toái bổ	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Sao vàng	Kg	85.00
93	Đỗ trọng	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	Thái phiên	Kg	88.00
94	Tục đoạn	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Dipscaci</i>	Phiến Sấy	Kg	110.00
95	Bạch truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Sao cảm mật ong	Kg	43.00
96	Cam thảo	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Thái phiên	Kg	70.00
97	Đại táo	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Sơ chế	Kg	152.00
98	Dang sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Chích gừng	Kg	123.00
99	Hoài sơn	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Sao cảm	Kg	54.00
100	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Chích mật	Kg	62.00
101	Kê huyết đằng	Nhóm 2	Thân	<i>Caulis Spatholobi</i>	Thái phiên	Kg	150
102	Ích mẫu	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Leonuri</i>	Sao qua	Kg	10
103	Long nhãn	Nhóm 2	Cùi nhãn	<i>Arillus Longan</i>	Sơ chế	Kg	8

104	Cát căn	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>	Thái phiên	Kg	20
105	Bạch tật lê	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Tribuli terrestris</i>	Sơ chế	Kg	5

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 652/TTYT-DƯỢC ngày 06 tháng 06 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh)



Công ty.....
Địa chỉ.....
Điện thoại.....
Email.....

BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh

Công ty.....Xin gửi tới Quý khách hàng bảng báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên dược liệu	Nguồn gốc	Nhóm TCKT	Số đăng ký	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Đơn giá VND (có VAT)	Ghi chú
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng											

Ghi chú:

Báo cáo này có giá trị trong vòngngày kể từ ngày ký./.

.....ngày tháng năm 2023
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)